

Nếu thực hiện theo quy trình này, trong vụ xuân giống PC26 có thể trở vào giai đoạn 10-20/5, thu hoạch vào 10-20/6, cho năng suất cao; trong vụ mùa giống PC26 có thể cho thu hoạch từ 10/9-20/9.

4.6. Thu hoạch và bảo quản

PC26 là giống loài phụ Japonica nên thời gian trở đến chín dài hơn các loại giống phụ indica từ 7-10 ngày. Phải thu hoạch khi chín hoàn toàn. Thời điểm thu hoạch muộn hơn các giống lúa indica từ 5-7 ngày. Như vậy sẽ đảm bảo độ mềm của cơm và độ trong của hạt gạo.

Sau khi tuốt, thóc phải được phơi dưới nắng nhẹ và nên phơi từ 2-3 lần để đạt độ ẩm $\leq 14\%$. Không được phơi lâu dưới nắng gắt và làm khô ngay trong thời gian ngắn.



IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ÁP DỤNG

PC26 đã được sản xuất thử nghiệm ở nhiều tỉnh thành, diện tích lên đến 400-500 ha/vụ tại các tỉnh: Thái Bình, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Bắc Ninh, Yên Bái...

5. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA CẠN LC93-4

Đình Văn Thành, Lê Văn Thuyết, Nguyễn Như Cường, Lại Tiến Dũng*, Nguyễn Thị Dương, Lê Tuấn Tú, Phan Thị Bích Thu, Vũ Thị Chại

I. NGUỒN GỐC

Giống lúa cạn LC93-4 do Bộ môn Miễn dịch thực vật, Viện Bảo vệ thực vật chọn lọc từ dòng gốc CAN- 4140-1, có số thứ tự thứ 61 trong tập đoàn lúa cạn năm 1993 của IRRI và có nguồn gốc từ Braxin. Được công nhận giống là giống cây trồng mới theo Quyết định số 319/QĐ-TT-CLT ngày 31/7/2013 của Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và PTNT.



II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

LC 93-4 là giống lúa cạn ngắn ngày, thời gian sinh trưởng 120-125 ngày.

LC93-4 là giống có đặc tính nông học tốt, dáng cây gọn, lá đồng to, góc lá đồng hẹp, đẻ nhánh trung bình, lá có màu xanh đậm, bông dài, tỉ lệ hạt chắc/bông cao, thấp cây, chống đổ tốt.

* Email: dung1172@gmail.com

Có khả năng chịu hạn tốt (điểm 1), khả năng phục hồi sau hạn nhanh, là giống chịu thâm canh, có khả năng thích ứng sinh thái rộng. Là giống chống chịu bệnh đạo ôn (điểm 1), có thể trồng trên đất xấu nghèo dinh dưỡng, trồng xen trên nương cây ăn quả, cây công nghiệp giai đoạn kiến thiết cơ bản.

Năng suất cao tại các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung đạt 38-45 tạ/ha, các tỉnh Tây nguyên đạt 45-50 tạ/ha, thâm canh cao có thể đạt 60-65 tạ/ha.

Chất lượng gạo cao (Hàm lượng Protein 9,0%), hạt trong dài, tỉ lệ gạo cao, cơm dẻo thơm (Hàm lượng Amylose 18,5%).

III. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT

1. Chọn đất và làm đất

- Chọn đất: Đất ruộng cao không chủ động tưới tiêu. Đất đồi dốc < 15° có tầng canh tác từ 15-30 cm, đủ ẩm. Có thể trồng xen ở diện tích đất trồng cà phê, tiêu, cao su hoặc vườn cây ăn quả đang thời kỳ kiến thiết cơ bản, lúc cây chưa khép tán, kín hàng.

- Làm đất: Theo phương pháp làm đất khô, cày 2 lượt bừa 2-3 lượt. Nếu đất dốc không có điều kiện cày bừa cần làm sạch cỏ phơi đất và làm bờ chống xói mòn. Trồng cây chắn gió xung quanh theo đường đồng mức.

2. Thời vụ

Căn cứ vào tình hình mưa từng năm để định lịch gieo cấy phù hợp. Tuy nhiên gieo trong tháng 5 là tốt nhất, đặc biệt là nửa đầu tháng 5.

3. Lượng giống và mật độ gieo

- Lượng giống gieo: 120 - 140 kg/ha.

- Mật độ gieo: Gieo hạt khô (không ngâm ủ) ngay sau khi làm đất xong lần cuối để đất còn đủ ẩm. Có thể gieo theo 3 cách:

Gieo hốc theo hàng với khoảng cách hàng x hàng và hốc là 22 -25 x 10 – 13 cm mỗi hốc gieo 2-3 hạt sau đó lấp đất mặt dày 2-3 cm (để có mật độ 35 - 40 khóm/m²).

Gieo vãi theo hàng với khoảng cách hàng x hàng 22 - 25 cm.

Gieo bằng máy gieo kéo tay.

4. Phân bón

- Lượng phân bón tính cho 1ha: Phân chuồng: 6 tấn (hoặc 300 kg phân hữu cơ vi sinh) + Đạm Urê: 200 – 250 kg + Supe Lân: 500 – 550 kg + Kali Clorua: 70 – 90 kg.

Có thể sử dụng phân bón NPK loại 16-16-8 ở mức 400 - 450 kg/ha thay cho lượng phân bón nguyên chất hoặc các loại phân khác nhưng phải đảm bảo đủ lượng N-P-K như trên.

- Cách bón: Bón lót toàn bộ phân chuồng, lân và 20% phân đạm Urê. Bón thúc lần 1 sau gieo 15 - 20 ngày: 50% đạm Urê và 40% K₂O. Bón thúc lần 2 sau gieo 35 - 40 ngày: 30% đạm Urê và 60% K₂O.

5. Chăm sóc

Trừ cỏ bằng tay hoặc bằng thuốc trừ cỏ hậu nảy mầm như Ally 20DF (phun sau gieo 25-30 ngày); thuốc trừ cỏ tiền nảy mầm như Ronstar 25EC (phun trước khi gieo hoặc ngay sau khi gieo hạt).

Có thể phun các thuốc kích thích sinh trưởng trước khi lúa trổ cho lúa trổ đều (Lục diệp tố, K humate, TB 888).

6. Phòng trừ sâu bệnh

Phòng trừ sâu bệnh bằng các thuốc hoá học thông thường, lưu ý phòng trừ các bệnh hại trên hạt như bệnh lem lép hạt, các loại nấm gây hại... bằng các loại thuốc Aivan 6,4L, Tilt super 300EC, Aliette 800WG.

Trừ bọ xít khi lúa trổ và giai đoạn sau trổ bằng thuốc hoá học Regent 80WG, Actara 50WG, Virtaco 40WG. Phun lúc sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng phun theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

7. Thu hoạch và bảo quản

- Thu hoạch tập trung, đúng thời vụ để tránh bị quá dài làm ảnh hưởng đến năng suất.

- Phơi và bảo quản hạt như thông thường.



IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ÁP DỤNG

Các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây nguyên (Sơn La, Bắc Kạn, Điện Biên, Nghệ An, Phú Yên, Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Lâm Đồng...). Trong năm 2009-2012, các tỉnh từ miền Bắc – miền Trung đến Tây Nguyên và nước bạn Lào đã triển khai sản xuất trên 900 ha, trong đó năng suất từ các mô hình sản xuất giống LC93-4 đều cao hơn gần gấp 2 lần so với giống địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Viện Bảo vệ thực vật, 2013. Tuyển chọn và phát triển các giống lúa cạn cho các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên ứng phó với biến đổi khí hậu, *Tuyển tập công trình nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ*, NXB Nông nghiệp. Tr 305-315.

6. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA AN26-1

Lưu Văn Quỳnh*, Nguyễn Thị Huyền, Tạ Thị Huy Phú,
Phạm Văn Nhân, Trần Vũ Thị Bích Kiều

I. NGUỒN GỐC

Giống lúa AN26-1 do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ lai tạo và chọn lọc từ tổ hợp lai Thom đen/ML2003// OM4498.

Được công nhận là giống lúa mới sản xuất thử theo Quyết định số 70/QĐ-TT-CLT ngày 28/2/2013 của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT.



II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

Giống AN26-1 có thời gian sinh trưởng:
Vụ hè thu 92 – 95 ngày; vụ đông xuân: 98 – 105 ngày.

Chiều cao cây đến 115 cm,; chiều dài bông: 24 cm; dạng bông chùm, hạt đóng dày. Tổng số hạt/ bông: 180 – 250; tỷ lệ lép 5 – 7%. Khối lượng 1000 hạt: 23 gam. Độ bạc bụng gạo < 10%. Chất lượng cơm khá.

Khả năng chống chịu khá: Kháng rầy nâu cấp 3 – 5; bệnh đạo ôn: cấp 1 – 3; bệnh bạc lá: cấp 3 – 5. Hạt khó rụng (độ rụng hạt < 1%).

Năng suất: 6,5 – 7,5 tấn/ha.

III. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT

1. Chuẩn bị hạt giống

Giống lúa gieo phải đạt tiêu chuẩn hạt giống kỹ thuật (tối thiểu là cấp xác nhận). Lượng giống gieo 90-100 kg/ha, những chân đất nghèo dinh dưỡng gieo tối đa 110 kg/ha.

Ngâm 24 giờ trong nước sạch. Nếu thời tiết lạnh nên pha nước (2 sôi + 3 nguội) để ngâm, sau khi thấy hạt đã no nước (hạt trong) ủ kín 36 giờ, trong thời gian ủ phải thường xuyên kiểm tra sự bốc nóng của đồng hạt. Nếu hạt ra rễ dài, mầm ra ngắn phải ban đồng hạt không ủ kín để kích thích ra mầm.

Trong trường hợp hạt giống đang giai đoạn ngủ nghỉ có thể xử lý bằng HNO₃ 0,1% trong thời gian ngâm nhưng phải đãi sạch trước khi vớt ủ.

2. Thời vụ gieo

Có thể gieo các vụ trong năm. Lịch gieo theo khuyến cáo của cơ quan chức năng.

Vụ đông xuân nên gieo sau 5/12 - 20/12. Không nên gieo sớm hơn để tránh gặp rét muộn kéo dài ảnh hưởng đến làm đòng.

* Email: lvquynh2007@yahoo.com